

PHÒNG, CHỐNG TRA TẤN: PHÂN TÍCH TỪ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ GỢI MỞ CHO VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM¹

PHẠM THANH SON*

Bảo vệ quyền con người, trong đó có phòng, chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người góp phần tạo điều kiện để con người được phát triển toàn diện trong tự do, hòa bình, cũng là định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều quốc gia hiện nay. Việt Nam đã phê chuẩn Công ước về chống tra tấn (UNCAT) vào năm 2014 và pháp luật nước ta đã có sự tương thích nhất định với các quy định của UNCAT và các quy chuẩn thế giới về phòng, chống tra tấn trên nhiều phương diện. Tuy nhiên, dưới góc độ luật nhân quyền quốc tế, khung pháp luật về vấn đề này ở nước ta vẫn còn một số khoảng trống. Do đó, việc hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan về chống tra tấn để phù hợp với quy định của UNCAT, cũng như các Công ước quốc tế khác của Liên Hợp Quốc là vấn đề cần thiết.

Từ khóa: Quyền con người, tra tấn, Công ước chống tra tấn.

Ngày nhận bài: 19/05/2022; Biên tập xong: 28/05/2022; Duyệt đăng: 10/07/2022

That protecting human rights, including preventing and fighting against torture and other cruel, inhuman or degrading treatment or punishment contributes to fully developing people in freedom and peace. It is also the orientation and goal of socio-economic development in many nations currently. In 2014, Vietnam ratified the United Nations Convention against Torture and Other Cruel, Inhuman or Degrading Treatment or Punishment (UNCAT) and our law has had certain compatibility with UNCAT regulations and international standards on torture prevention and fighting in many aspects. However, from the perspective of international human rights law, our legal framework on this matter still has witnessed some gaps. Therefore, it is essential to perfect relevant legal documents on anti-torture in accordance with the provisions of UNCAT as well as other international conventions of the United Nations.

Keywords: Human right, torture, UNCAT.

1. Đặt vấn đề

Tra tấn (và hành vi “thứ cấp” của nó là trừng phạt, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc nhục hình) là vấn đề vừa mang tính pháp lý, vừa mang tính đạo đức, văn hóa. Ở góc độ đạo đức, văn hóa, Liên Hợp Quốc lên án tra tấn như là một trong những hành vi vô nhân đạo và đê hèn nhất mà con người phạm phải với đồng loại, bởi tra tấn phủ nhận phẩm giá, hủy hoại cả thể chất và tâm hồn của nạn nhân - những người ở trong hoàn cảnh không thể chống cự. Ở góc độ pháp lý, theo luật nhân quyền quốc tế, tra tấn là một trong những hình thức vi

phạm nhân quyền nghiêm trọng nhất, bị chỉ trích gay gắt nhất. Còn theo luật hình sự quốc tế, hành vi tra tấn thực hiện một cách có hệ thống và mang tính phổ biến tùy theo bối cảnh có thể cấu thành các tội diệt chủng, tội phạm chiến tranh hay tội phạm chống nhân loại².

** Thạc sĩ, Khoa Luật, Học viện An ninh nhân dân; Nghiên cứu sinh, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội*

¹ Bài báo này là một phần nghiên cứu trong luận án tiến sĩ “Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn” của Nghiên cứu sinh Phạm Thanh Sơn tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

² Xem Tuyên bố về chống tra tấn của Liên Hợp Quốc, năm 1975.

Do tính chất đặc biệt nghiêm trọng của hành vi tra tấn, việc cấm tra tấn được quy định trong rất nhiều văn kiện của luật nhân quyền và luật hình sự quốc tế từ trước đến nay, trong đó bao gồm Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948 (Universal Declaration of Human Rights) (Điều 5), Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 (International Covenant on Civil and Political Rights, ICCPR) (Điều 7), và đặc biệt là Công ước chống tra tấn năm 1984 (United Nations Convention against torture and other cruel, inhuman or degrading treatment or punishment, UNCAT)... Theo các văn kiện này, hành vi tra tấn bị cấm tuyệt đối, trong mọi hoàn cảnh kể cả thời bình, thời chiến hay trong tình trạng khẩn cấp của quốc gia. Bất cứ lý do nào biện minh cho hành vi tra tấn đều không thể chấp nhận. Đặc biệt, quy định cấm tra tấn được coi là một quy phạm của luật tập quán quốc tế, và như vậy có hiệu lực ràng buộc với mọi quốc gia, kể cả những nước chưa tham gia bất cứ điều ước quốc tế nào có liên quan.

Ngày 28/11/2014, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 83/2014/QH13 phê chuẩn Công ước chống tra tấn của Liên Hợp Quốc. Việc ký kết, phê chuẩn Công ước có ý nghĩa quan trọng trong việc thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta cũng như thể hiện sự quyết tâm duy trì nền tảng đạo đức, pháp lý và văn hóa quyền con người đang được khẳng định trong chủ trương, đường lối của Đảng và Hiến pháp năm 2013, cho thấy nỗ lực của Việt Nam trong việc bảo

vệ quyền con người; đồng thời, tạo điều kiện để rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan, cụ thể là quyền không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục con người cho phù hợp hơn với Công ước và các quy chuẩn chung của pháp luật quốc tế về quyền con người.

Mặc dù trước khi tham gia UNCAT, để bảo vệ quyền con người, quyền công dân, pháp luật Việt Nam đã quy định tương đối cơ bản và đầy đủ cơ chế bảo đảm quyền không bị tra tấn, đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc bị hạ nhục. Tuy nhiên, dưới góc độ tiếp cận toàn diện về chống tra tấn theo luật nhân quyền quốc tế, khung pháp luật về vấn đề này ở nước ta vẫn còn một số khoảng trống. Do vậy, việc hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan về chống tra tấn cho phù hợp với các quy định của UNCAT, cũng như các Công ước quốc tế khác của Liên Hợp Quốc là vấn đề cần thiết.

2. Tra tấn và chống tra tấn theo Luật nhân quyền quốc tế

Ở góc độ quốc tế, định nghĩa cơ bản về tra tấn được quy định trong UNCAT, thuật ngữ này có nghĩa là: Bất kỳ hành vi nào gây ra đau đớn hoặc đau khổ nghiêm trọng về thể chất hay tinh thần mà chủ ý áp dụng với một người, nhằm rút ra từ người đó hay một người thứ ba thông tin hay lời tự thú, hay để trừng phạt người đó vì một hành vi mà người đó hay người thứ ba gây ra hay bị nghi ngờ gây ra, hoặc để hăm dọa hay cưỡng bức người đó hay người thứ ba, hoặc vì bất cứ lý do nào dựa trên sự phân biệt đối xử nào đó; do một công chức hay một người nào khác hành

động với tư cách hay với sự xúi giục, đồng tình hay ưng thuận của một công chức³.

Điều 7 ICCPR quy định: “Không ai có thể bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt một cách tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm”. Cũng theo các văn kiện quốc tế, hành vi tra tấn bị cấm tuyệt đối, trong mọi hoàn cảnh kể cả thời bình, thời chiến hay trong tình trạng khẩn cấp của quốc gia. Bất cứ lý do nào biện minh cho hành vi tra tấn đều không thể chấp nhận. Trên cơ sở đó, Điều 2 UNCAT xác định: Không có bất kỳ hoàn cảnh ngoại lệ nào, cho dù là trong tình trạng chiến tranh, hoặc đang bị đe dọa bởi chiến tranh, mất ổn định chính trị trong nước hoặc bất kỳ tình trạng khẩn cấp nào có thể được viện dẫn để biện minh cho việc tra tấn.

Theo UNCAT, hành vi tra tấn phải được thực hiện một cách cố ý, được biểu hiện dưới nhiều hình thức như: Sử dụng vũ lực tác động trực tiếp lên cơ thể con người, đánh đập, đâm chém, dùng điện, để đói, khát, ăn nhạt, tra hỏi liên tục dưới sức nóng của ngọn đèn cao áp giữa những ngày nóng, oi bức, bắt cởi quần áo trong trời giá rét hoặc bằng lời nói thô bạo tác động vào tâm lý, tinh thần, tình cảm làm cho một người đau đớn, khổ sở, nhục nhã về tinh thần nhằm mục đích làm cho người đó hoặc người thứ ba sợ hãi, tinh thần suy sụp để lấy thông tin, tài liệu hoặc để bắt họ phải khai ra những gì không có thực, sai sự thật theo ý đồ của người thực hiện hành vi tra tấn hoặc để trừng phạt người đó vì những việc mà họ đã làm gây đau đớn và khổ sở nghiêm trọng cho cả tinh thần và thể xác, tâm lý của người tra

tấn. Mục đích nhằm để lấy thông tin hoặc trừng phạt vì một việc mà người đó đã làm vì lý do công vụ.

Về nghĩa vụ nghiêm cấm các hành vi tra tấn, UNCAT quy định: Mỗi quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp, hoặc các biện pháp hiệu quả khác để ngăn chặn các hành vi tra tấn trên bất cứ khu vực lãnh thổ nào thuộc quyền tài phán của mình⁴. Theo quy định này, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ phải tiến hành các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp và các biện pháp khác nhằm ngăn chặn hành vi tra tấn trên phạm vi lãnh thổ thuộc quyền tài phán quốc gia một cách tuyệt đối. Không có bất kỳ hoàn cảnh ngoại lệ nào, cho dù là trong tình trạng chiến tranh, hoặc đang bị đe dọa bởi chiến tranh, mất ổn định chính trị trong nước hoặc bất kỳ tình trạng khẩn cấp nào có thể được viện dẫn để biện minh cho việc tra tấn.

Nhằm mục đích nghiêm cấm triệt để các hành vi tra tấn, Công ước quy định nghĩa vụ của các quốc gia thành viên phải hình sự hóa hành vi này để có thể áp dụng những hình phạt thích đáng, nhằm trừng phạt và răn đe những người thực hiện hành vi tra tấn. Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng mọi hành vi tra tấn đều cấu thành tội phạm theo luật hình sự của nước mình. Điều này cũng áp dụng với những hành vi cố gắng thực hiện việc tra tấn hoặc hành vi của bất kỳ người nào đồng lõa hoặc tham gia việc tra tấn... Mỗi quốc gia thành viên phải trừng trị những tội phạm này bằng những hình phạt thích đáng tương ứng với tính chất nghiêm

³ Xem Điều 1 UNCAT.

⁴ Xem Điều 2 UNCAT.

trọng của chúng⁵. Với quy định này, Công ước yêu cầu phạm vi hình sự hóa tương đối rộng, không chỉ hạn chế trong phạm vi hoạt động tố tụng mà về lý thuyết, hành vi tra tấn có thể xảy ra trong tất cả các hoạt động có mang tính thực thi công quyền.

Về thẩm quyền tài phán, UNCAT quy định các quốc gia cần phải có cơ chế để bảo đảm việc xét xử tội phạm về tra tấn sẽ được thực hiện trong phạm vi rộng nhất có thể, hoặc là theo quy định của Công ước, hoặc là được áp dụng theo pháp luật quốc gia⁶. Hiện nay trên thế giới đang công nhận tra tấn là một tội phạm thuộc phạm vi tài phán phổ quát, nghĩa là tòa án quốc gia có thể điều tra và truy tố bất kể ở nơi nào trên thế giới một người bị tình nghi phạm tội tra tấn, không tính đến quốc tịch của bị cáo hoặc của nạn nhân hoặc đòi hỏi bất kỳ mối liên hệ nào với quốc gia nơi đặt tòa án.

Về nghĩa vụ không trục xuất, trao trả hoặc dẫn độ, không một quốc gia thành viên nào được trục xuất, trao trả về hoặc dẫn độ một người cho một quốc gia khác, nơi có nhiều lý do thực tế để tin rằng người đó đã có nguy cơ bị tra tấn. Điều này có nghĩa, quốc gia không những không được phép tra tấn công dân hoặc những người dưới quyền tài phán của mình, mà còn không được phép buộc những người nước ngoài trở về hoặc tới một quốc gia khác, nếu người đó có nguy cơ bị tra tấn tại quốc gia đó⁷.

Về trừng trị các hành vi tra tấn: Nguyên tắc hoặc dẫn độ, hoặc truy tố là

một nguyên tắc phổ biến trong pháp luật quốc tế được sử dụng nhằm tránh bỏ lọt tội phạm. Theo nguyên tắc này, một quốc gia sẽ phải truy tố người đã thực hiện hành vi phạm tội nghiêm trọng nếu không dẫn độ người này đến một quốc gia khác. UNCAT yêu cầu quốc gia thành viên khi có căn cứ cho rằng một người thực hiện hoặc có liên quan tới bất kỳ hành vi tội phạm theo quy định của bất kỳ quốc gia thành viên nào đang có mặt ở trên lãnh thổ của mình thì phải tiến hành bắt giữ và thực hiện các biện pháp cần thiết khác như các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật nước mình⁸. Đồng thời, quốc gia nơi thực hiện việc bắt, tạm giữ, tạm giam, tiến hành thẩm vấn người thực hiện hành vi tra tấn và có nghĩa vụ thông báo cho quốc gia mà người đó là công dân hoặc nơi người đó thường trú cuối cùng (trong trường hợp người đó là người không quốc tịch, nhiều quốc tịch) biết. Trong quá trình giải quyết vụ việc, nếu người đó bị áp dụng các biện pháp giam giữ thì phải được quốc gia thực hiện biện pháp giam giữ đó giúp đỡ để liên lạc ngay với người đại diện thích hợp gần nhất của nước mà người đó là công dân, hoặc nếu người đó là người không quốc tịch thì được liên lạc với đại diện của nước mà người đó thường xuyên cư trú.

Về tương trợ tư pháp về hình sự trong chống tra tấn: Các quốc gia thành viên phải hỗ trợ lẫn nhau một cách tối đa về các thủ tục tố tụng hình sự áp dụng đối với những hành vi phạm tội nêu tại Điều 4 của UNCAT. Việc hỗ trợ tư pháp trong quá trình tố tụng đối với tội phạm tra tấn

⁵ Xem Điều 4 UNCAT.

⁶ Xem Điều 5 UNCAT.

⁷ Xem Điều 3 UNCAT.

⁸ Xem Điều 6 UNCAT.

phải được thực hiện trong toàn bộ quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, trong đó việc cung cấp bằng chứng cần thiết cho tố tụng là hết sức quan trọng⁹. Công ước không đưa ra trình tự phải hợp tác như thế nào mà cho phép các thành viên thực hiện nghĩa vụ này thông qua các hiệp định tương trợ tư pháp được ký kết giữa các nước.

Về nghĩa vụ tiến hành điều tra khi cho rằng có hành vi tra tấn được thực hiện, UNCAT quy định mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng các cơ quan có thẩm quyền của mình sẽ tiến hành điều tra khẩn trương và khách quan mỗi khi có cơ sở hợp lý để tin rằng việc tra tấn đã xảy ra trên lãnh thổ thuộc quyền tài phán của mình¹⁰. Theo đó, các quốc gia có nghĩa vụ phải tiến hành các hoạt động điều tra nhanh chóng, không thiên vị và có hiệu quả khi có cơ sở hợp lý để tin rằng hành động tra tấn và việc đối xử tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người xảy ra trong lãnh thổ của mình. Cùng với đó, việc điều tra phải bảo đảm được tính “nhanh chóng” và “vô tư, không thiên vị”.

Về phòng ngừa các hành vi tra tấn, UNCAT quy định các quốc gia thành viên có nghĩa vụ tuyên truyền chống tra tấn, bảo đảm quyền của người bị bắt, giam giữ, cũng như không sử dụng những lời khai là kết quả của hành vi tra tấn, có trách nhiệm ngăn chặn các hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục người khác.

Công ước chống tra tấn năm 1984 là văn kiện pháp lý quốc tế đa phương

thể hiện ý chí của cộng đồng quốc tế yêu chuộng hoà bình và tiến bộ trên thế giới, kiên quyết loại bỏ hành vi tra tấn, đối xử tàn bạo hoặc vô nhân đạo với con người vì bất cứ lý do gì ra khỏi đời sống. Công ước yêu cầu các quốc gia phải có biện pháp hữu hiệu để phòng chống tra tấn.

3. Tra tấn và phòng, chống tra tấn theo pháp luật Việt Nam

Bảo vệ con người khỏi bị tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục là vấn đề đã được quan tâm từ rất sớm trong pháp luật Việt Nam. Bộ luật Hồng đức - một trong những văn bản pháp luật cổ nhất của nước ta còn lưu giữ được đến nay, mặc dù chịu sự hạn chế mang tính lịch sử như các đạo luật đương thời ở các quốc gia khác, thể hiện ở việc vẫn duy trì nhiều hình phạt khắc nghiệt, song Bộ luật này cũng đã có những quy định nhằm hạn chế sự lạm quyền của các quan lại, qua đó bảo vệ nhân dân khỏi những hành động tra tấn hay đối xử tàn bạo do các quan lại gây ra, chẳng hạn: Việc sử dụng biện pháp cứng rắn trong quá trình tố tụng¹¹ chỉ là bước cuối cùng, sau khi đã có sự cân nhắc kỹ lưỡng, và phải có giới hạn về mức độ cũng như phải tính đến những trường hợp miễn hoãn, chế tài đối với các hành vi lạm quyền xâm phạm tính mạng, thân thể của nhân dân do các quan lại gây ra trong quá trình thi hành công vụ¹². Điều này cho thấy, pháp luật hình sự Việt Nam từ lâu đã coi tù nhân như là những con

⁹ Xem Điều 9 UNCAT.

¹⁰ Xem Điều 12 UNCAT.

¹¹ Xem: Điều 668, 669 Quốc triều hình luật (Luật hình triều Lê hay Luật Hồng đức), Nxb. Chính trị quốc gia, H.1995, tr. 227.

¹² Sđd, Điều 682, tr. 232

người và chú ý bảo vệ họ như là những con người. Trong bối cảnh chế độ phong kiến, đối với địa vị là một thần dân thấp kém thì quy định về đối xử với tù nhân trong Bộ luật Hồng Đức đã thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc.

Ngay sau khi nước nhà giành được độc lập, trong hoàn cảnh “thù trong, giặc ngoài” đe dọa và chưa có Hiến pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký một số sắc lệnh (Sắc lệnh 33A, 33B, 33C, Sắc lệnh 46/1945) mà nội dung bao hàm những bảo đảm về quyền con người trong hoạt động tố tụng.

Hiến pháp năm 1946 lần đầu tiên xác định một nguyên tắc về chống hành động tùy tiện trong hoạt động tố tụng ở Việt Nam; theo đó, “tư pháp không quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm người công dân Việt Nam. Nhà ở và thư tín của công dân Việt Nam không được ai xâm phạm một cách trái pháp luật” (Điều 11). Mặc dù quy định này không đề cập cụ thể đến vấn đề tra tấn nhưng có ý nghĩa rất quan trọng để bảo vệ người dân trước những vi phạm nhân quyền trong hoạt động tư pháp, bao gồm các hành vi tra tấn, đối xử vô nhân đạo và hạ nhục.

Nguyên tắc hiến định kể trên tiếp tục được các Hiến pháp về sau kế thừa và phát triển thành nguyên tắc đầy đủ về quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự và nhân phẩm của công dân mà được áp dụng trong mọi hoàn cảnh, kể cả trong hoạt động tố tụng (các điều 27, 28 Hiến pháp năm 1959, Điều 69, 70, 71 Hiến pháp năm 1980, Điều 71 Hiến pháp năm 1992).

Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên đề cập cụ thể đến việc cấm tra tấn. Khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 nêu rõ:

“Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”.

Mặc dù Hiến pháp năm 2013 đã được thông qua nhưng cho đến nay, khái niệm “tra tấn” vẫn chưa được định nghĩa trong pháp luật Việt Nam. Các văn bản dưới Hiến pháp hiện vẫn chưa cập nhật quy định mới về cấm tra tấn mà mới chỉ đề cập đến một số khái niệm liên quan như nhục hình, bức cung... Cụ thể, khuôn khổ pháp luật hiện hành liên quan đến phòng, chống tra tấn của Việt Nam có thể tóm tắt như sau:

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Không quy định tội danh riêng và không đưa ra khái niệm “tra tấn”. Tuy nhiên, mọi hành vi có tính chất tra tấn được xác định là hành vi phạm tội, được quy định trong tội dùng nhục hình, tội bức cung, tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật. Hành vi có tính chất tra tấn còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo các tội như: Tội giết người; tội làm chết người trong khi thi hành công vụ; tội bức tử; tội đe dọa giết người; tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ; tội hành hạ người khác; tội làm nhục người khác; tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật; tội làm nhục, hành hung người chỉ huy hoặc cấp trên; tội làm nhục hoặc dùng nhục hình đối với cấp dưới; tội làm nhục,

hành hung đồng đội; tội ngược đãi tù binh, hàng binh.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Quy định các nguyên tắc: Nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe con người (Điều 10); bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân (Điều 11).

Luật Thi hành án hình sự năm 2019: Quy định các nguyên tắc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm nhân đạo xã hội chủ nghĩa; tôn trọng nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của người chấp hành án (Điều 4); cấm nhận hối lộ, sách nhiễu trong thi hành án hình sự; cản trở người chấp hành án thực hiện quyền được đề nghị miễn, giảm thời hạn chấp hành án (Điều 10)...

Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015: Quy định về việc cấm tra tấn, truy bức, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (các điều 4 và 8).

Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015: Quy định nghiêm cấm bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 14).

Luật Khiếu nại năm 2011: Bảo đảm quyền được khiếu nại và giải quyết khiếu nại cho mọi cá nhân, tổ chức, trong đó có nạn nhân bị tra tấn; cấm cản trở, gây phiền hà cho người thực hiện quyền khiếu nại;

đe dọa, trả thù, trù dập người khiếu nại (các điều 1 và 6).

Luật Tố cáo năm 2018: Quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực; bảo vệ người tố cáo và quản lý công tác giải quyết tố cáo (các điều 1, 4, 5, 8).

Các luật: Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (Điều 33), Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 - sửa đổi, bổ sung năm 2019 (Điều 21), Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 (khoản 1 Điều 2), Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (khoản 2 Điều 2, điểm b khoản 2 Điều 3, điểm b khoản 2 Điều 4), Luật Công an nhân dân năm 2018 (khoản 2 Điều 16), Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 (Điều 26), Luật An ninh quốc gia năm 2004 (khoản 6 Điều 13), Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015 (Điều 7)... đều quy định trách nhiệm của các cơ quan và cá nhân trong bảo vệ quyền con người.

Việc bảo vệ quyền con người, quyền không bị tra tấn còn được quy định trong Bộ luật Lao động năm 2019 (các điều 5, 6, 8, 37, 128, 183), Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (các điều 4, 5, 18, 21, 22), Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 (các điều 2, 8), Luật Bình đẳng giới năm 2006 (các điều 6, 7, 10), Luật Báo chí năm 2016 (các điều 4, 9), Luật công đoàn năm 2012 (các điều 9, 14, 18, 19, 21), Luật Quốc tịch năm 2008 (các điều 2, 5, 6), Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 (các điều 6, 8, 9), Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm

2009 (các điều 6, 35, 37, 38, 73), Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 (các điều 5, 7, 14, 15, 26, 27), Luật Giáo dục năm 2019 (Điều 83), Luật Phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991, Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) (các điều 16, 17, 18), Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) (các điều 17, 19) và Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 (các điều từ 3 đến 15)...

Về cơ bản, pháp luật Việt Nam đã có sự tương thích nhất định với các quy định của UNCAT và các quy chuẩn thế giới về phòng, chống tra tấn trên tất cả các phương diện: Nghĩa vụ nghiêm cấm các hành vi tra tấn, trừng trị các hành vi tra tấn, phòng ngừa các hành vi tra tấn, bảo vệ nạn nhân của hành vi tra tấn.

4. Sự cần thiết và một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tra tấn ở Việt Nam hiện nay

Việc tham gia UNCAT là bước đi cụ thể trong quá trình chủ động và tích cực hội nhập quốc tế của Việt Nam, khẳng định Việt Nam là thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, nâng cao đáng kể uy tín quốc tế của Việt Nam trên lĩnh vực nhân quyền và tạo ra những động lực, cơ sở mới để thúc đẩy hoạt động phòng, chống tra tấn ở nước ta hiện nay.

Mặc dù những phân tích kể trên cho thấy đã có một hành lang pháp lý cho việc phòng, chống tra tấn ở Việt Nam, tuy nhiên vẫn còn một số khoảng trống cần tiếp tục giải quyết. Việc khóa lấp các khoảng trống này, qua đó hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về phòng, chống tra tấn ở Việt Nam hiện nay là một việc làm cấp thiết. Điều này xuất phát từ một số lý do sau:

Thứ nhất, Hiến pháp năm 2013 đã có quy định quyền không bị tra tấn, tạo cơ sở thúc đẩy hoạt động phòng, chống vi phạm nhân quyền này ở nước ta trong thời gian tới. Bởi như đã nêu ở phần trên, khái niệm tra tấn theo luật nhân quyền quốc tế rộng hơn so với những khái niệm về truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm được ghi nhận trong các hiến pháp trước năm 2013. Cũng bởi vậy, quy định mới của Hiến pháp năm 2013 về cấm tra tấn đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khuôn khổ pháp luật hiện hành của Việt Nam, đặc biệt là khuôn khổ pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự để làm hài hòa với những tiêu chuẩn quốc tế về phòng, chống tra tấn.

Thứ hai, Việt Nam đã là thành viên của ICCPR năm 1966 từ đầu thập kỷ 1980, trong đó có nhiều điều khoản (Điều 4, 7, 10) quy định rõ quyền không bị tra tấn, và cũng xác định đây là quyền tuyệt đối, không bị hạn chế trong mọi trường hợp. Việt Nam đã phê chuẩn UNCAT của Liên Hợp Quốc, do vậy, cần phải sửa đổi, bổ sung khuôn khổ pháp luật về chống tra tấn để thực hiện đầy đủ cam kết ngày càng mạnh mẽ và nghĩa vụ quốc tế ngày càng nặng nề, cụ thể hơn của Việt Nam về vấn đề này.

Thứ ba, yêu cầu bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp, trong đó bao gồm việc chống bức cung, nhục hình trong quá trình thực thi tố tụng hình sự, đã được nhấn mạnh trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, và gần đây là Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội khóa

XIII về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm. Như vậy, sửa đổi, bổ sung khuôn khổ pháp luật về phòng, chống tra tấn chính là nhằm thực hiện có hiệu quả hai văn bản quan trọng này.

Thứ tư, mặc dù bị pháp luật nghiêm cấm nhưng tình trạng tra tấn, dùng nhục hình, ép cung đôi khi vẫn còn diễn ra trong hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự của Việt Nam hiện nay, đặc biệt là ở các cơ quan điều tra. Gần đây có một vài vụ việc nghiêm trọng bị phát giác, gây bức xúc rất lớn trong dư luận, đòi hỏi Nhà nước phải nhanh chóng hành động và có biện pháp hiệu quả để ngăn chặn những vụ việc tương tự, lấy lại lòng tin của người dân với hệ thống cơ quan tư pháp. Việc hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về phòng, chống tra tấn là biện pháp đầu tiên, không thể thiếu để thực hiện mục tiêu này.

Nhằm củng cố, hoàn thiện khuôn khổ pháp luật hiện hành về phòng, chống tra tấn, bảo đảm quyền không bị tra tấn, phù hợp với các quy định của UNCAT, cũng như các quy định trong Điều 7 và Điều 10 ICCPR, cần thực hiện những sửa đổi, bổ sung như sau:

Một là, cần xác định rõ định nghĩa về tra tấn trong Bộ luật Hình sự, đồng thời hình sự hóa hành vi tra tấn. Mặc dù Bộ luật Hình sự hiện đã có hai tội danh là tội bức cung và tội dùng nhục hình, nhưng các tội này rõ ràng chưa bao trùm hết nội hàm của hành vi tra tấn theo định nghĩa nêu trong UNCAT. Theo tác giả, nhất thiết cần quy định thêm tội tra tấn và đưa ra những định nghĩa cụ thể về các hành vi tra tấn, đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo và hạ

nhục phù hợp với những tiêu chuẩn liên quan của luật nhân quyền quốc tế.

Hai là, trong Bộ luật Tố tụng hình sự đã bổ sung các quy định bảo đảm quyền im lặng của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, bảo đảm sự có mặt của luật sư khi lấy lời khai của bị can, bị cáo, Tuy nhiên, cần nghiên cứu cải tiến các thủ tục tố tụng hiện hành, kể cả nghiên cứu đặt ra các thủ tục tố tụng đặc biệt nếu cần thiết để bảo đảm các hành vi tra tấn sẽ được điều tra, truy tố và xét xử một cách nhanh chóng và nghiêm minh. Điều này là bởi cũng như ở bất cứ quốc gia nào trên thế giới, thủ phạm của hành vi tra tấn ở Việt Nam là những người tiến hành tố tụng, trong khi việc điều tra, truy tố và xét xử cũng do các cơ quan tiến hành tố tụng tiến hành nên không thể tránh khỏi những trường hợp cố ý trì hoãn, bao che cho những kẻ vi phạm.

Ba là, cần nghiên cứu cải thiện điều kiện giam giữ trong các cơ sở tạm giam, các trại giam, và điều kiện sinh hoạt, học tập trong các trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện, cơ sở học tập bắt buộc. Bởi lẽ, bởi theo quan điểm chung của cộng đồng quốc tế, điều kiện giam giữ, sinh hoạt trong các cơ sở đã nêu nếu ở tình trạng tồi tệ sẽ bị coi là cấu thành hành vi đối xử dã man, vô nhân đạo, hạ thấp nhân phẩm và trong một số trường hợp sẽ cấu thành hành vi tra tấn (ví dụ như việc cán bộ quản giáo khuyến khích hay để mặc cho tình trạng bạo lực xảy ra giữa các tù nhân, người bị tạm giam, tạm giữ...). Bên cạnh đó, cũng cần tăng cường giám sát, thanh tra các cơ sở thẩm vấn và giam giữ (nhà tạm giữ, trại tạm giam, trường giáo dưỡng...), kể cả lắp

các thiết bị giám sát tự động (camera) tại các cơ sở này để phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh những hành vi bức cung, nhục hình, tra tấn.

Bốn là, cần nghiên cứu tăng cường các biện pháp giáo dục, tuyên truyền về cấm tra tấn và về quyền con người của những người bị tước tự do cho các đối tượng có liên quan, đặc biệt là những cán bộ tiến hành tố tụng, đây là một trong các biện pháp chủ động, tích cực nhất trong việc phòng ngừa tra tấn. Cùng với các biện pháp xử phạt, giáo dục, tuyên truyền về cấm tra tấn và quyền con người của những người bị tước tự do sẽ góp phần giảm đáng kể hành vi tra tấn của các quan chức thực thi pháp luật.

Năm là, cần nghiên cứu hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan và cán bộ tiến hành tố tụng, đặc biệt trong các hoạt động điều tra và giam giữ. Trong vấn đề này, cần đặc biệt phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Tư pháp và của các đại biểu Quốc Hội, đồng thời cần mở rộng các điều kiện cho phép các cơ quan thông tin đại chúng được giám sát thường xuyên và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, kể cả các cơ sở giam giữ.

Sáu là, triển khai thực hiện các quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và Nghị định số 68/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo hướng đơn giản hoá các thủ tục xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường nhà nước, đồng thời quy định xem xét bồi thường những thiệt hại cả trực tiếp và gián tiếp,

cả về vật chất và tinh thần. Qua đó, bảo đảm nạn nhân bị tra tấn, đối xử và trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo và hạ nhục có thể được bồi thường một cách nhanh chóng và thỏa đáng.

Bảy là, cần tăng cường đối thoại, hợp tác quốc tế, khu vực trong các hoạt động phòng, chống tra tấn và bảo vệ quyền của những người bị tước tự do.

Có thể nói, bảo vệ quyền con người, trong đó có đấu tranh phòng, chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người góp phần tạo điều kiện để con người Việt Nam được phát triển toàn diện trong tự do, hòa bình, cũng là định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay. Điều này hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển chung của nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới. Hiện nay, việc triển khai thực hiện UNCAT tại Việt Nam nhằm tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật phòng, chống tra tấn và nội dung của UNCAT... là vấn đề cần thiết, nhằm đảm bảo tốt hơn quyền con người và phù hợp hơn với yêu cầu của Công ước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Liên Hợp Quốc (1948), *Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền*;
2. Liên Hợp Quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị*;
3. Liên Hợp Quốc (1975), *Tuyên bố về bảo vệ mọi người khỏi bị tra tấn và các hành vi đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người*;
4. Liên Hợp Quốc (1984), *Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử khác tàn bạo, vô nhân đạo hoặc nhục hình*;
5. Viện Sử học Việt Nam (1995), *Quốc triều hình luật*, Nxb. Chính trị quốc gia.